

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2024

CTCP Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản

Ngày 28/06/2024	9,700 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	13.5%	6.7%	16.6%

DT thuần Q2/24
762
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 57.0 8.1%
YoY: ▲ 67.0 9.7%

LN thuần Q2/24
17.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.60 10.4%
YoY: ▼11.2 -39.5%

LN sau thuế Q2/24
15.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.30 9.6%
YoY: ▼8.10 -34.4%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/24
3.6%
YoY: +/-▲ 0.2%

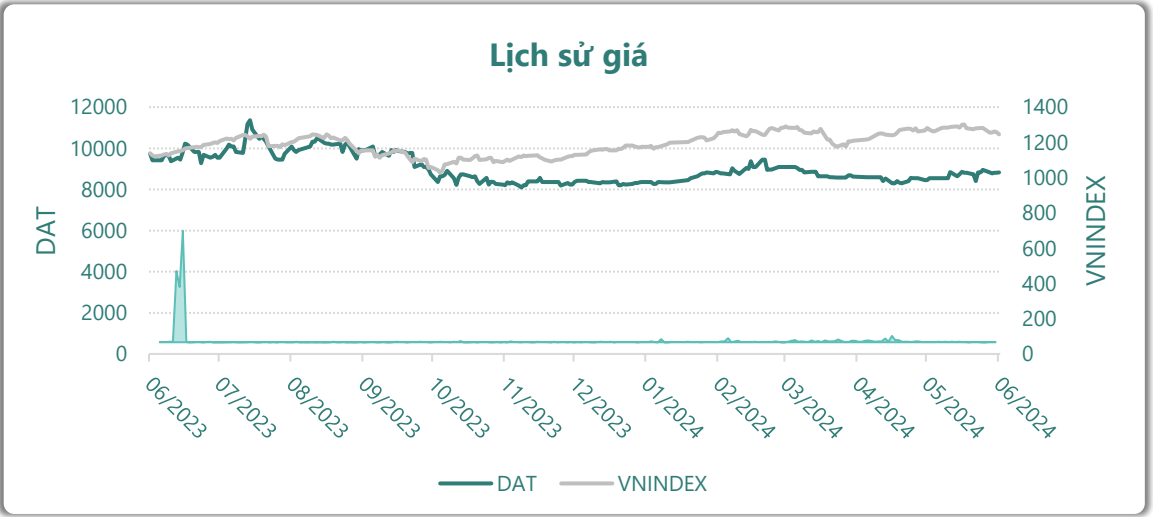
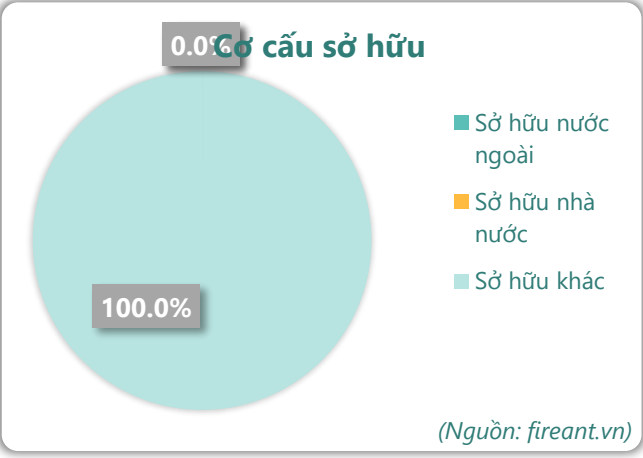
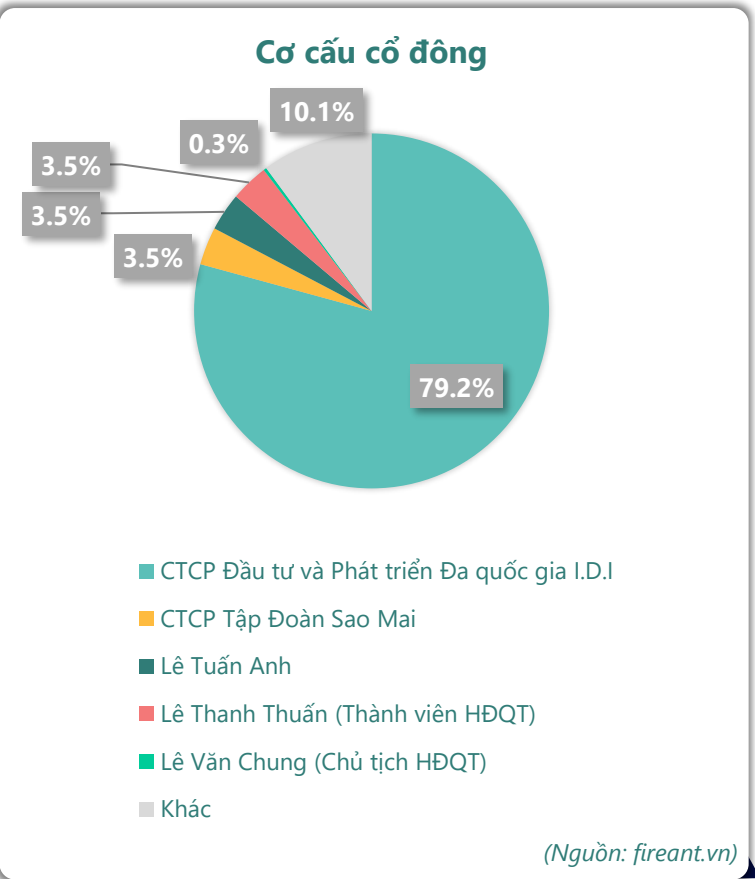
ROE (TTM) Q2/24
7.9%
YoY: +/-▼ 1.2%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	8,091 - 11,364
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	610
Số lượng CPLH (CP)	62,935,104
KLGD BQ 20 phiên (CP)	101,807
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.03
EPS	1,039
P/E	9.3

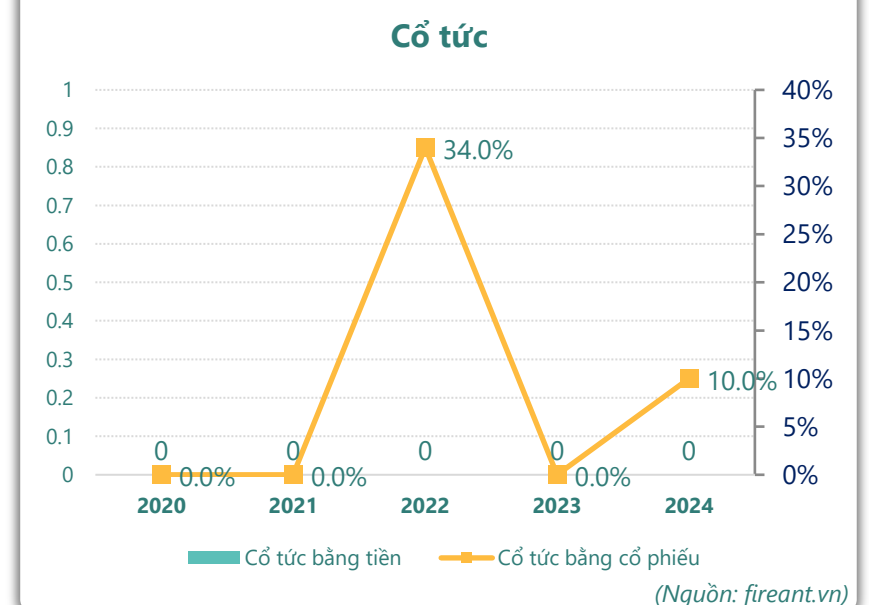
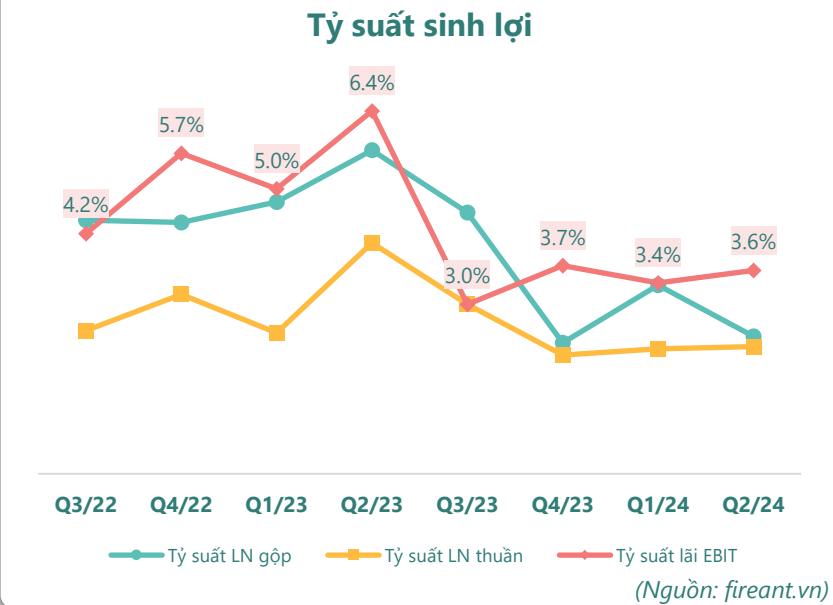
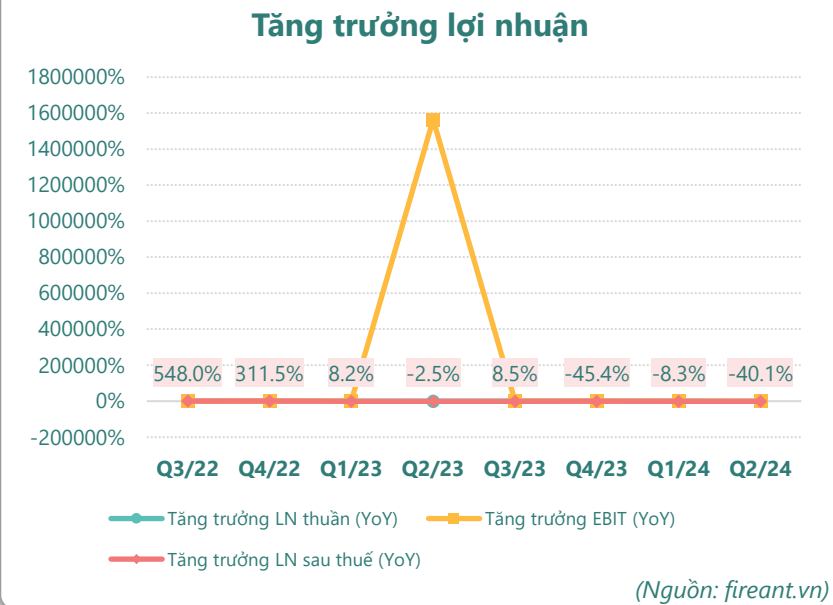
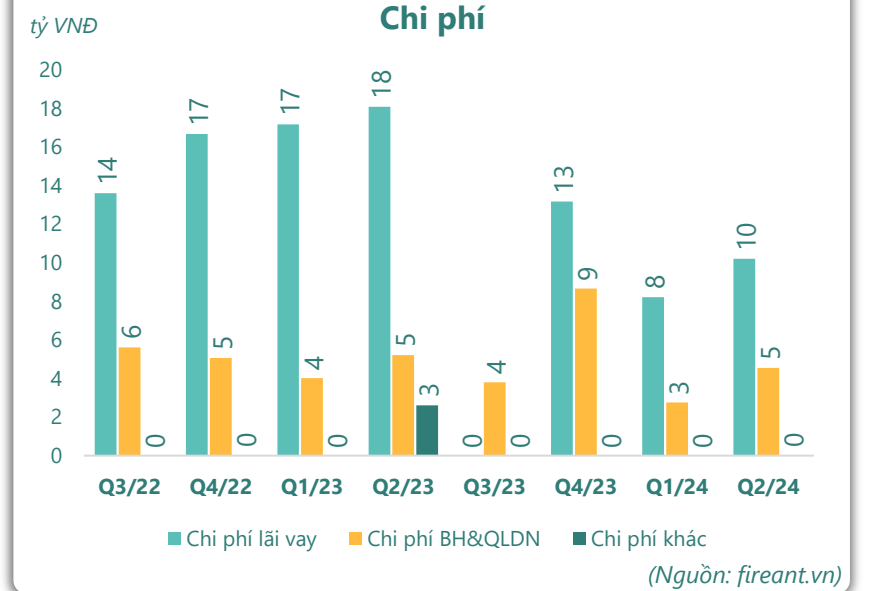
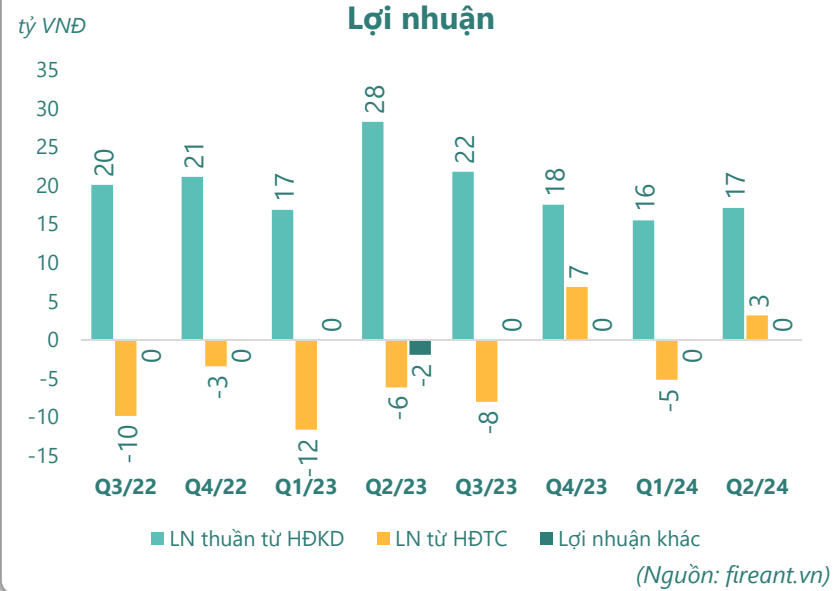
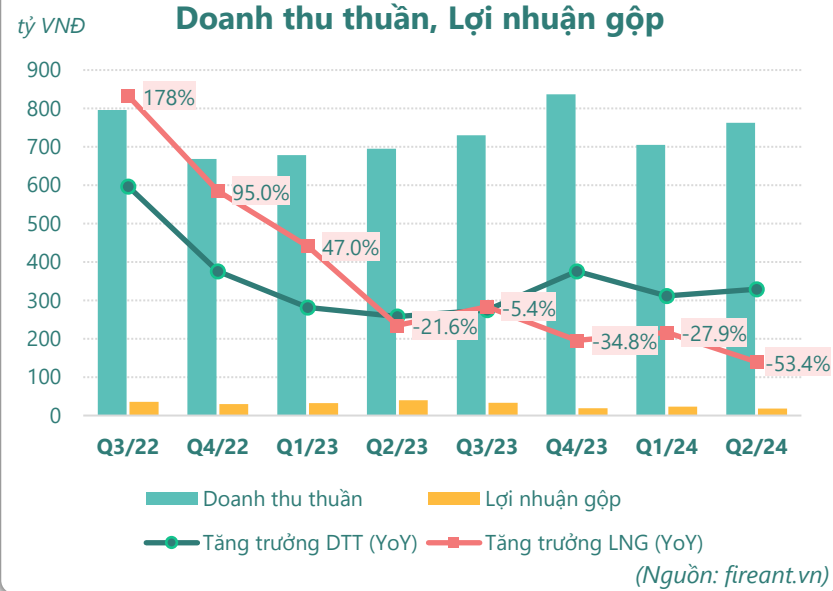
DT thuần 6T 2024
1,467
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 94.0 6.8%

LN thuần 6T 2024
32.6
tỷ VNĐ
YoY: ▼12.6 -27.8%

LN sau thuế 6T 2024
29.3
tỷ VNĐ
YoY: ▼9.30 -24.1%



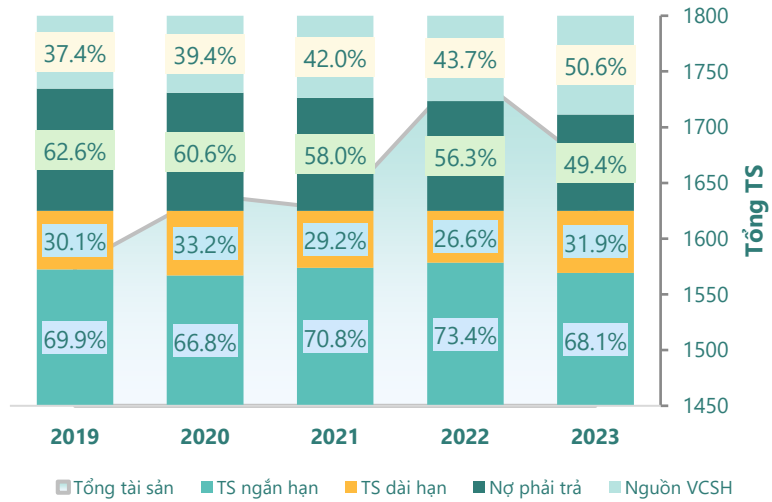
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

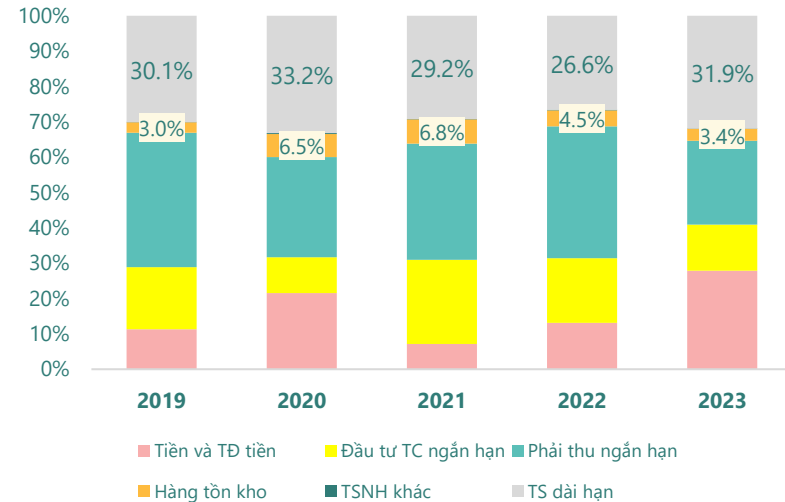
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

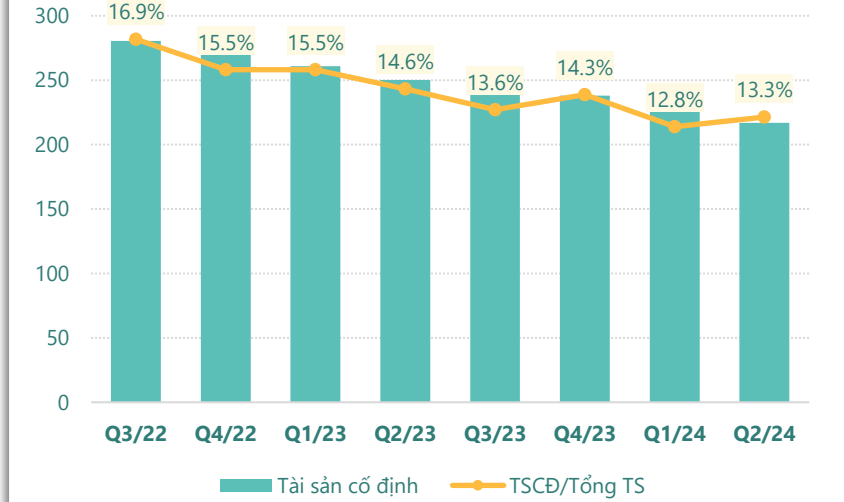
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

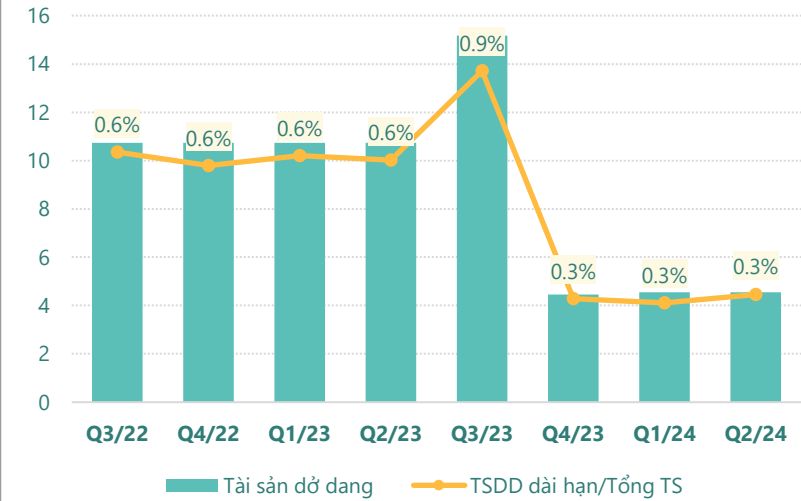
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

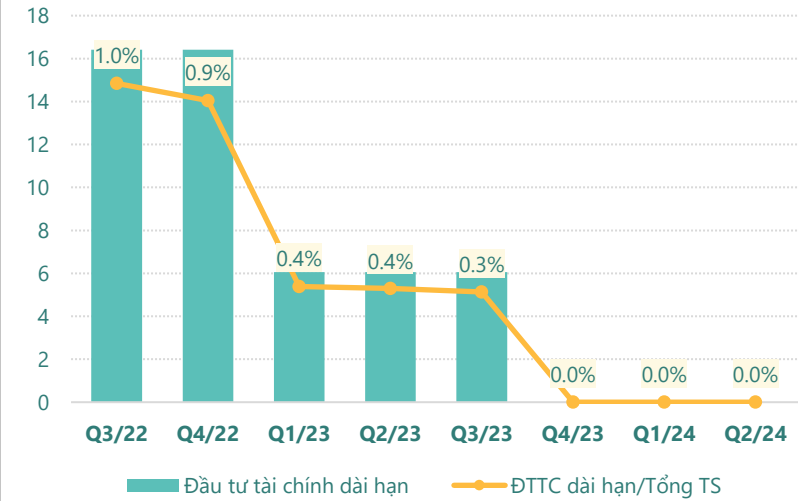
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

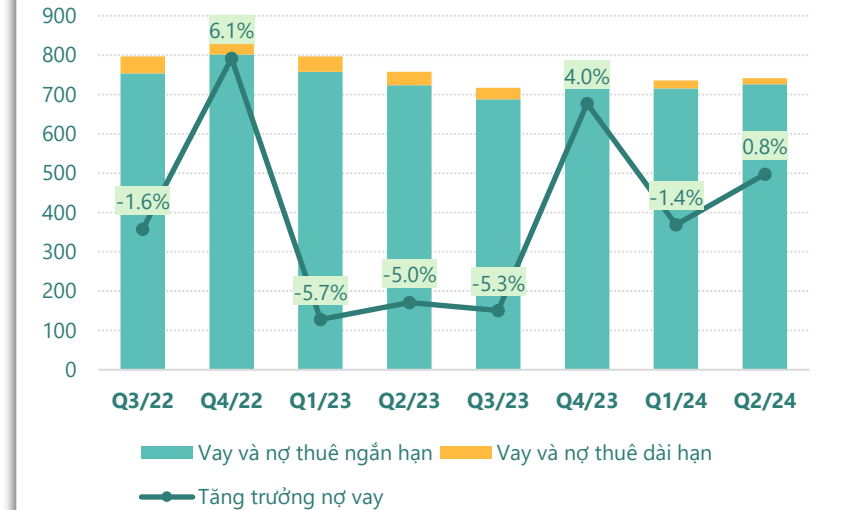
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

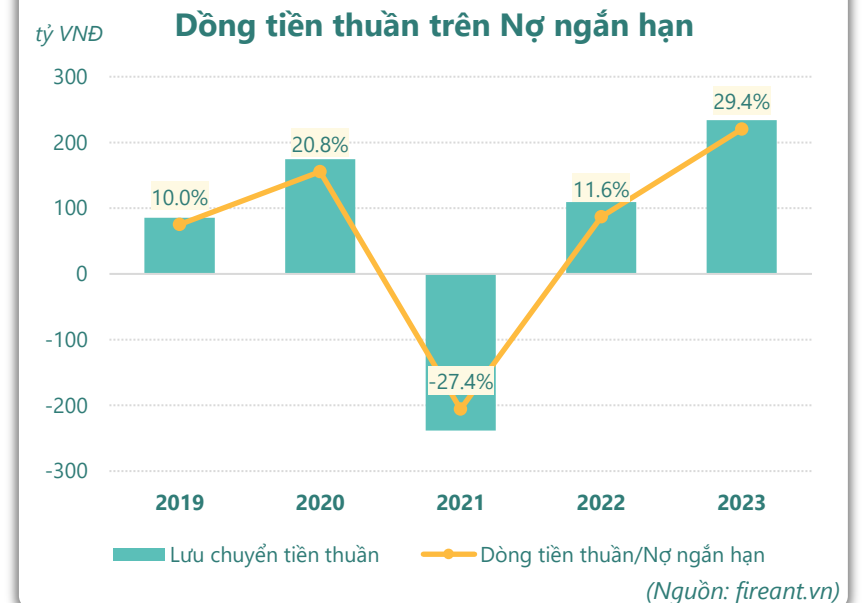
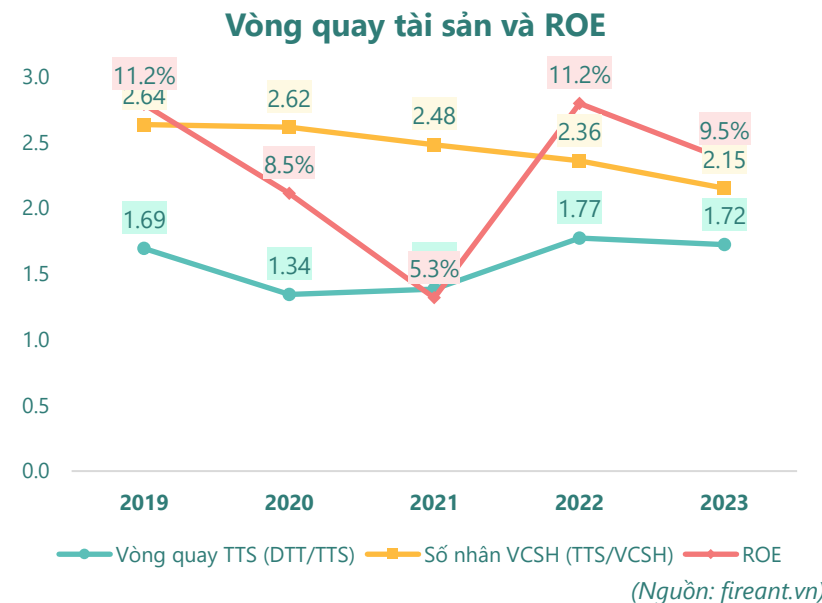
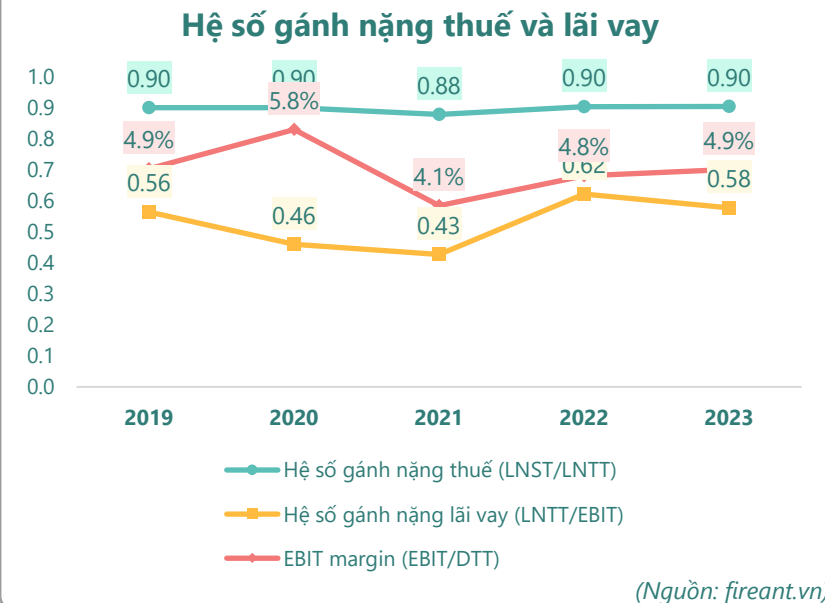
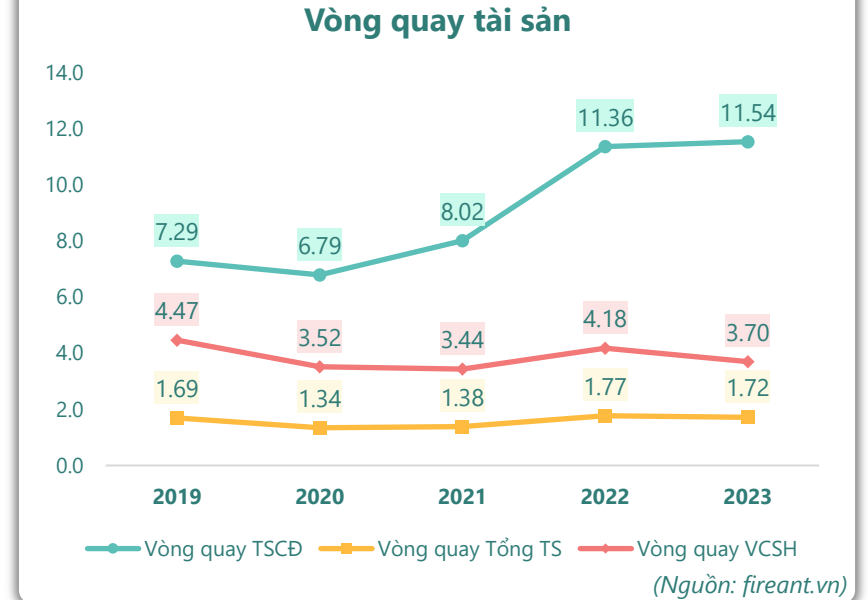
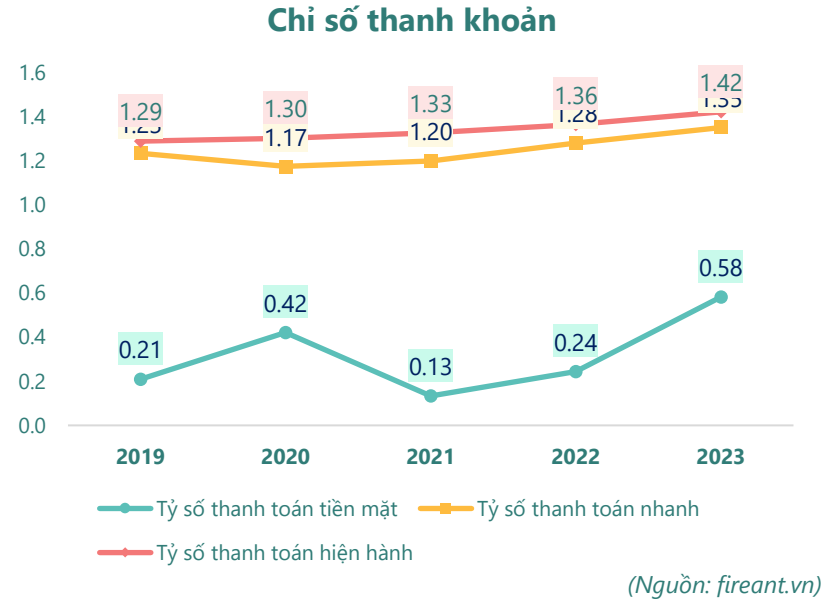
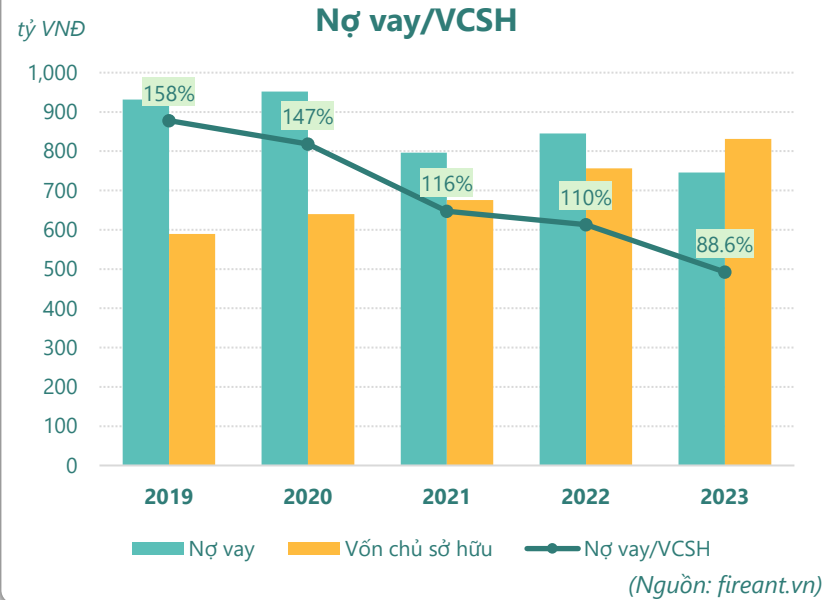
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	762	695	9.7%	1,467	1,373	6.8%
Giá vốn hàng bán	744	655	13.5%	1,425	1,301	9.6%
Lợi nhuận gộp	18.5	39.7	-53.4%	41.9	72.2	-41.9%
Doanh thu HĐTC	13.8	13.9	-0.5%	16.9	19.9	-15.0%
Chi phí TC	10.7	20.0	-46.7%	18.9	37.7	-49.8%
Chi phí lãi vay	10.2	18.1	-43.6%	18.4	35.3	-47.8%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	1.35	2.41	-44.0%	2.44	3.67	-33.4%
Chi phí QLDN	3.20	2.81	14.0%	4.86	5.56	-12.5%
LN thuần từ HĐKD	17.1	28.3	-39.5%	32.6	45.2	-27.8%
Lợi nhuận khác	0.01	-1.92	100%	0.00	-1.89	100%
LN trước thuế	17.1	26.4	-35.1%	32.6	43.3	-24.6%
Lợi nhuận sau thuế	15.3	23.4	-34.4%	29.3	38.6	-24.1%
LNST của CĐ cty mẹ	15.3	23.4	-34.4%	29.3	38.6	-24.1%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	13.9	135	77.0	93.7	-183	17.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-32.7	-122	-38.6	244	-167	-10.6
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-48.6	-40.4	-21.9	-31.6	-10.6	5.88
Tiền đầu kỳ	230	162	134	151	463	102
Lưu chuyển tiền thuần	-67.5	-28.2	16.4	306	-361	13.2
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.09	0.26	6.45	0	0.02
Tiền cuối kỳ	162	134	151	463	102	115

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	1,633	1,663	-1.8%
Tài sản ngắn hạn	1,120	1,132	-1.1%
Tiền và tương đương tiền	115	463	-75.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	403	217	86.0%
Phải thu ngắn hạn	532	395	34.8%
Hàng tồn kho	69.0	56.7	21.6%
Tài sản ngắn hạn khác	0.28	0.03	894%
Tài sản dài hạn	513	531	-3.3%
Phải thu dài hạn	185	176	4.9%
Tài sản cố định	217	238	-8.9%
Bất động sản đầu tư	105	109	-3.8%
Tài sản dở dang	4.55	4.45	2.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	2.33	3.12	-25.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	762	821	-7.2%
Nợ ngắn hạn	746	796	-6.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	726	721	0.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	11.7	58.1	-79.8%
Nợ dài hạn	15.7	25.0	-37.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	15.7	25.0	-37.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	871	842	3.5%
Vốn chủ sở hữu	861	831	3.5%
Vốn điều lệ	629	629	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	10.3	10.3	0.0%

(Nguồn: fireant.vn)

